

Số: **05** /2020/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **10** tháng **3** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với
hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển năm 2020
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển;

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tỉnh tại Công văn số 35/HĐND-VP ngày 18/02/2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Trà Vinh khi tổ chức, cá nhân được cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định tại Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ.

b) Quyết định này không áp dụng đối với các trường hợp sau:

- Giao khu vực biển để thăm dò, khai thác dầu khí;
- Giao khu vực biển để khai thác thủy sản, cho thuê mặt nước để nuôi trồng thủy sản;

- Giao khu vực biển để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

b) Cơ quan quản lý nhà nước, cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

1. Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu: 3.000.000 đồng/ha/năm;

2. Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện: 4.000.000 đồng/ha/năm;

3. Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng các công trình nổi, ngầm, đảo nhân tạo, công trình xây dựng dân dụng trên biển, các hoạt động lấn biển: 5.000.000 đồng/ha/năm;

4. Nhóm 4: Sử dụng khu vực biển để làm vùng nước cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí và các cảng, bến khác (gồm: vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch; vùng để xây dựng luồng cảng biển và các công trình phụ trợ khác), vùng nước phục vụ hoạt động cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển, xây dựng cảng cá, bến cá; vùng nước phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí, đón trả khách, khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nước biển làm mát cho các nhà máy; trục vớt hiện vật, khảo cổ: 6.000.000 đồng/ha/năm;

5. Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để đổ thải bùn nạo vét: 7.500.000 đồng/ha/năm;

6. Nhóm 6: Các hoạt động sử dụng khu vực biển khác: 6.750.000 đồng/ha/năm.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển được quy định tại Quyết định này, cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo số tiền sử dụng khu vực biển đối với từng dự án cụ thể của tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

2. Thực hiện việc xử lý chuyển tiếp theo quy định tại Điều 11 của Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển.

3. Những nội dung không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển và Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển.

4. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu phát sinh vướng mắc các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày **20** tháng **3** năm 2020.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: Tài chính, TN&MT;
- Tổng Cục Biển và Hải đảo VN;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Trà Vinh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ngành: TC, TN&MT, NN&PTNT, KH&ĐT, TP, BQLKKT, Cục thuế, KBNN;
- UBND các huyện, TX, TP;
- LĐVP.UBND tỉnh;
- Trung tâm TH-CB;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, KT. 12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Anh Dũng